TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Ông Lê Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1958. (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1976 và bà Trần Kim N, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:*

- Vào năm 2017, 2018 ông T cho vợ chồng bà N và ông C vay nhiều lần với tổng số tiền là 290.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, vợ chồng bà N và ông C đóng lãi không đầy đủ, tiền vốn vay thì chưa thanh toán được khoản nào.

- Gia đình ông T có mở bán tạp hóa, vào năm 2018 vợ chồng bà N và ông C có mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và đi biển, còn nợ với số tiền là 43.125.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng bà N và ông C nợ là 333.125.000 đồng (trong đó: tiền vay là 290.000.000 đồng, tiền mua bán tạp hóa còn nợ là 43.125.000 đồng).

Đến tháng 06/2018 hai bên gặp nhau để đối chiếu nợ, thì phía Trần Kim N thống nhất trả nợ, trả bằng hình thức trả góp theo phương thức hụi thì 10 ngày đóng 01 lần với số tiền là 10.000.000 đồng với tổng số tiền phải trả góp là 34 lần bằng 340.000.000 đồng. Việc thống nhất bằng hình thức trả nợ nêu trên thì Trần Kim N đã viết giấy trả nợ bằng hình thức đóng hụi và đã ký tên.

Sau khi viết giấy trả nợ bằng hình thức góp hụi, thì Trần Kim N đã đóng được 02 lần với số tiền là 20.000.000 đồng thể hiện trong giấy nợ là đóng 12 và 22 (tức đóng ngày 12/6/2018 và ngày 22/6/2018).

Vậy, vợ chồng Trần Kim N và Nguyễn Thanh C còn nợ lại tổng số tiền là 320.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu vợ chồng bà N và ông C trả tổng số tiền nêu trên, ngoài ra ông T không có yêu cầu khác.

* Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 17/10/2019, bị đơn bà Trần Kim N trình bày: Đối với yêu cầu thanh toán nợ của ông Phan Văn T thì bà N xác định hiện nay không còn nợ ông T, bà N đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 17/10/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày: Ông C không nợ ai, không có trách nhiệm với nợ của ai.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Phan Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 260.000.000 đồng và nợ tiền mua đồ tạp hóa với số tiền là 43.125.000 đồng

- Vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N đề nghị vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 260.000.000 đồng và tiền mua bán tạp hóa còn nợ là 43.125.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N.

[2] Về nội dung vụ án:

* Xét yêu cầu của ông Phan Văn T: Năm 2017, 2018 vợ chồng bà N và ông C có đến hỏi vay của ông T nhiều lần với tổng số tiền là 290.000.000 đồng; vào năm 2018 vợ chồng bà N và ông C có mua đồ tạp hóa để đi biển và sinh hoạt trong gia đình và còn nợ là 43.125.000 đồng. Đến tháng 06/2018 âm lịch hai bên gặp nhau để đối chiếu nợ thì bà N thống nhất trả nợ vay bằng hình thức góp hụi, 10 ngày góp 01 lần là 10.000.000 đồng, phía bà N đã góp được 02 lần với số tiền là 20.000.000 đồng; Việc thống nhất trả nợ bằng hình thức góp hụi phía bà N đã trực tiếp ghi giấy góp hụi

và ký tên; để chứng minh cho yêu cầu của mình thì ông T cung cấp giấy góp hụi bản gốc cho Tòa án (bút lục số 30).

Vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N không thừa nhận còn nợ theo yêu cầu khởi kiện ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của Trần Kim N trong biên nhận nợ, tại kết luận giám định số: 142/GĐ-2019 ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận chữ viết và chữ ký "Như" trong tờ giấy kẻ ngang bút lục số 30 là cùng một người viết ra. Từ đó, có cơ sở kết luận bà Trần Kim N có vay tiền và nợ tiền mua đồ tạp hóa của ông T là thực tế xảy ra; Bà N trình bày là không còn nợ ông T, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đã thanh toán tiền cho ông T, nên bà N phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình được quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu ông Nguyễn Thanh C là chồng của bà Trần Kim N cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ nêu trên cho bà Mười, yêu cầu này của ông T là phù hợp nên được chấp nhận, bởi lẽ: Tại thời điểm vay tiền thì quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà N vẫn tồn tại, bà N và ông C không có làm ăn riêng, tất cả chỉ vì mục đích sinh hoạt trong gia đình, nên ông C phải có nghĩa vụ cùng với bà N thanh toán nợ nêu trên.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền vốn vay còn nợ là 260.000.000 đồng và tiền mua bán tạp hóa còn nợ là 43.125.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng ông C và bà N chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N phải chịu án phí với số tiền = 303.125.000 đồng x 5% = 15.156.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng, tính tròn số), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển.

- Phần ông T được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không đặt ra xem xét.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 430, 440, 466, 470 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T đối với vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N về việc thanh toán tiền vay và tiền mua bán tạp hóa còn nợ.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Văn T số tiền vốn vay còn nợ là 260.000.000 đồng và tiền mua bán tạp hóa còn nợ là 43.125.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông C và bà N chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng vợ chồng ông C và bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tương ứng với thời gian thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông C và bà N phải chịu án phí với số tiền là 15.156.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển.

- Phần ông T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

"Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn